TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **95**/2023/DS-ST
Ngày: 20 – 9 – 2023.
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hiệp.

Ông Huỳnh Tấn Phát.

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Bà Trần Thị Thảo Nguyên – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2023/TLST – DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 98/2023/QĐST- DS ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Bùi Thị Ngọc T**, sinh ngày 13/10/1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* **Bà Nguyễn Thị L (T)**, sinh ngày 20/10/1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã L huyện D, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Lê Văn C, sinh ngày 06/10/1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/6/2023, biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc T trình bày:*

Chị có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị L làm chủ hụi. Cụ thể:

+ Dây 1: Hụi mệnh giá 1.000.000đồng, khởi khui ngày 15/4/2019 (âm lịch), hụi gồm 30 phần, chị tham gia chơi 01 phần, tháng khui 01 lần, chị đóng được 15 lần với số tiền 15.000.000 đồng.

+ Dây 2: Hụi mệnh giá 2.000.000đồng, khởi khui ngày 15/4/2019 (âm lịch), hụi gồm 30 phần, chị tham gia chơi 01 phần, tháng khui 01 lần, chị đóng được 15 lần với số tiền 30.000.000 đồng.

Dây hụi đang chơi thì bị bể giữa chừng, bể từ ngày 19/4/2021 (âm lịch), mặc dù hụi chị chơi các phần đều là hụi còn sống, nhưng khi hai bên kết nợ lại thống nhất lấy theo mệnh giá hụi chết; nên tổng cộng 02 dây hụi bà L còn nợ lại chị là 45.000.000 đồng.

Vì vậy, nay chị khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C là chồng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền nợ hụi là 45.000.000 đồng và không tính lãi suất.

Tại phiên Tòa: Chị T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không thay đổi gì.

** Tại bản tự khai ngày 31/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà thống nhất với phần trình bày của chị T, thừa nhận còn nợ chị T số tiền nợ hụi là 45.000.000 đồng và đồng ý trả. Mặc dù hụi của chị T là hụi sống, nhưng do dây hụi bị bể giữa chừng, nên bà tự nguyện đồng ý trả cho chị T tính theo mệnh giá hụi chết là 45.000.000 đồng.

Tuy nhiên, đối với nghĩa vụ liên đới với ông C thì bà không đồng ý, vì đây không phải là nợ chung của vợ chồng mà xác định là nợ riêng của bà, bà tự làm thì tự chịu.

Mục đích chơi hụi: Để lấy tiền huê hồng nhằm chơi hụi lại, chơi hụi lại để có tiền, nếu hụi viên nào giựt thì có tiền để choàng hụi và để dành tích lũy, tiết kiệm.

* Đối với ông Lê Văn C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, mặc dù ông vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của ông.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định

của pháp luật. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L và ông C có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền nợ hụi là 45.000.000 đồng và ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị T có tham gia chơi hụi do bà L làm chủ hụi và bà L còn nợ 45.000.000 đồng cho đến nay vẫn chưa trả. Nay chị T khởi kiện yêu cầu bà L cùng chồng là ông C có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền nợ hụi là 45.000.000 đồng. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Giấy xác nhận ngày 06/6/2023 và ngày 07/6/2023 của Công an xã Thới Lai, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xác nhận bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp Sân Banh, xã Thới Lai, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- *Về nội dung:*

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị T buộc bà L và ông C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi 45.000.000 đồng và không tính lãi suất.

Cơ sở chứng cứ:

+ Giấy nhận nợ hụi.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, đều xác định được giữa chị T và bà L có giao dịch chơi hụi với nhau, theo đó chị T có tham gia chơi 02 dây hụi do bà L làm chủ hụi, hàng tháng chị T thực hiện nghĩa vụ đóng hụi cho bà L đầy đủ nhưng do các dây hụi đều bị ngưng giữa

chừng vào ngày 19/4/2021 (âm lịch), những phần hụi của chị T chơi đều là hụi sống và số tiền hụi bà L nợ lại chị T sau khi kết nợ lại là 45.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Bà L thừa nhận có giao dịch chơi hụi như chị T trình bày là đúng và sau khi hai bên kết nợ lại, hiện bà L còn nợ chị T là 45.000.000 đồng. Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là "*Giấy nhận nợ hụi*" đều được bà L thừa nhận chữ ký trong giấy nợ hụi là do bà viết và ký tên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

Nay bà L làm chủ hụi nhưng chưa thanh toán đầy đủ cho phía chị T số tiền hụi mà chị đã đóng khi tuyên bố bể hụi, là vi phạm nghĩa vụ của người chủ hụi theo quy định tại Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường, nên chị T khởi kiện yêu cầu bà L trả nợ hụi là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về lãi suất:

Chị T chỉ yêu cầu trả vốn và không yêu cầu trả lãi suất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của chị và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Xét yêu cầu buộc ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên đới trả nợ: *Hội đồng xét xử xét thấy*, căn cứ theo Giấy kết hôn giữa bà L và ông C thể hiện ông bà có đăng ký kết hôn vào năm 1988 nên bà L và ông C là vợ chồng hợp pháp, hiện vẫn sống và sinh hoạt chung gia đình với nhau. Đồng thời mục đích bà L làm chủ hụi để có tiền choàng hụi, để dành tiết kiệm và phụ lo sinh hoạt trong gia đình với ông C, chứ không cờ bạc hay tiêu xài cá nhân và nợ chung này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên buộc ông C có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án:* Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận toàn bộ, nên bà L và ông C phải liên đới chịu án phí của số tiền 45.000.000 đồng là:

45.000.000 đồng x 5% = 2.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ngọc T đối với bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C về việc "*Tranh chấp Hợp đồng góp hụi*".

2. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Bùi Thị Ngọc T số tiền nợ hụi là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị Ngọc T không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nêu trên.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

5.1. Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 2.250.000 đồng (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

5.2. Chị Bùi Thị Ngọc T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **1.125.000 đồng** (Một triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005038 ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Lê Văn C vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên